

Số: 952/QĐ-ĐHKTL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
tại Trường Đại học Kinh tế - Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-ĐHKTL ngày 3/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-ĐHQG ngày 19/7/2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Luật”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng các khoa, các đơn vị, cá nhân thuộc Trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Tiên Dũng

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số 952/QĐ-ĐHKTL, ngày 10 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

MỤC LỤC

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Căn cứ xây dựng quy định	2
Điều 3. Mục đích và nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	2
Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm.....	3

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM	3
Điều 5. Đánh giá về ý thức, thái độ tham gia học tập và nghiên cứu khoa học	3
Điều 6. Ý thức và thái độ chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường.....	3
Điều 7. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	4
Điều 8. Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng.....	4
Điều 9. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.....	4
Điều 10. Các nội dung điểm thưởng, cộng thêm	5

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN	5
Điều 11. Phân loại kết quả rèn luyện	5
Điều 12. Phân loại để đánh giá	5
Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện	6

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	7
Điều 14. Đánh giá kết quả rèn luyện ở cấp lớp.....	7
Điều 15. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa	8
Điều 16. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường	9
Điều 17. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện	9
Điều 18. Sử dụng kết quả.....	10
Điều 19. Quyền khiếu nại và bổ sung kết quả rèn luyện	10

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	11
Điều 20. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị	11
Điều 21. Điều khoản áp dụng.....	13
Điều 22. Điều khoản thi hành	13



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Luật (sau đây gọi chung là Trường), bao gồm: quy định chung, các tiêu chí đánh giá và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học (văn bằng thứ nhất) hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - Luật. Quy định này không áp dụng đối với sinh viên quốc tế, sinh viên được đào tạo trình độ đại học (văn bằng thứ hai) các hệ, sinh viên thuộc các chương trình liên kết quốc tế.

Điều 2. Căn cứ xây dựng quy định

1. Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

2. Quyết định số 964/QĐ-ĐHQG ngày 19/7/2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Mục đích và nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Mục đích đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên:

a) Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, giáo dục thái độ, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, nhân cách và năng lực hoạt động xã hội cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc.

b) Thực hiện đầy đủ, đúng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là ĐHQG-HCM) về công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

c) Đưa ra định hướng và nội dung đánh giá kết quả rèn luyện cụ thể, phù hợp với khả năng, thể mạnh, sự chủ động, tự giác của sinh viên về kế hoạch học tập, rèn luyện trong điều kiện đào tạo theo hình thức tín chỉ.

d) Kết quả rèn luyện căn cứ để xét tốt nghiệp, xét cấp học bổng, xét khen thưởng, xét thành tích danh hiệu trong sinh viên kỷ luật, xét tham gia hoạt động giao lưu và trao đổi sinh viên quốc tế, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú nội trú, xét hồ sơ vay vốn học tập, xét đối tượng của Đảng và xét các ưu tiên khác theo quy định của Trường, của các đối tác đại học, tổ chức, cá nhân.

2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên:

a) Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá theo quy định này, đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

b) Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên được đánh giá.

c) Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các khoa, phòng, trung tâm và các đơn vị có liên quan trong Trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ, kết quả của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Ý thức và thái độ tham gia học tập và nghiên cứu khoa học.

b) Ý thức và thái độ chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường.

c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng.

e) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

f) Các nội dung điểm thưởng, điểm cộng.

2. Kết quả rèn luyện (điểm rèn luyện) được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức, thái độ tham gia học tập và nghiên cứu khoa học

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và thái độ trong học tập.

b) Ý thức và thái độ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, các hoạt động học thuật, hoạt động đổi mới sáng tạo, các câu lạc bộ học thuật, hoạt động ngoại khóa.

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi.

d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập.

e) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động liên quan đến hoạt động học thuật của lớp, của khoa, của Trường và của ĐHQG-HCM.

f) Kết quả học tập và nghiên cứu khoa học.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Ý thức và thái độ chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành, của ĐHQG-HCM được thực hiện trong Trường.

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao.

b) Ý thức tham gia hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức.

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

d) Ý thức tham gia Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội có kết quả hoặc thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.

c) Ý thức, tinh thần chia sẻ, động viên, giúp đỡ người thân, người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn.

d) Ý thức và hiệu quả tham gia xây dựng, đóng góp, quảng bá hình ảnh của Trường và ĐHQG-HCM.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 9. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong Trường.

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong Trường.

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Trường.

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (cấp trường).

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Điều 10. Các nội dung điểm thưởng, cộng thêm

1. Sinh viên được cộng 10 điểm vào tổng điểm rèn luyện trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đạt thành tích cao trong các cuộc thi mang tính quốc tế được các cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Sinh viên được khen thưởng cấp Trung ương về công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên.

c) Sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học hoặc thành viên đội tuyển Trường tham gia các cuộc thi, hội thi từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên đạt thành tích cao.

d) Sinh viên được biểu dương, khen thưởng từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên trong công tác: giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, đấu tranh bảo vệ pháp luật, cứu người bị nạn.

2. Sinh viên được cộng 5 điểm vào tổng điểm rèn luyện trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên khuyết tật, mồ côi cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nỗ lực, tiến bộ và phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện.

b) Sinh viên được khen thưởng cấp tỉnh, thành phố hoặc được khen thưởng của ĐHQG-HCM về công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên.

3. Sinh viên đạt các giải thưởng, danh hiệu, khen thưởng khác từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên sẽ được xét tương đương với một trong các mức thành tích trên.

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 11. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Sinh viên có kết quả rèn luyện xếp loại từ trung bình trở lên là đạt.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại Xuất sắc.

b) Từ 80 đến 89 điểm: loại Tốt.

c) Từ 65 đến 79 điểm: loại Khá.

d) Từ 50 đến 64 điểm: loại Trung bình.

e) Từ 35 đến dưới 49 điểm: loại Yếu.

f) Dưới 35 điểm: loại Kém.

Điều 12. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Khá.



2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Trung bình.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ đánh giá bổ sung.

6. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

7. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

8. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường cũ khi học tại trường mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

10. Sinh viên năm thứ tư được sử dụng kết quả rèn luyện của học kỳ 1 trong năm học đối với các hoạt động tính kết quả rèn luyện ở học kỳ 2 (trong trường hợp không tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện ở học kỳ 2 trước khi sinh viên tốt nghiệp).

11. Sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn quy định được đánh giá kết quả rèn luyện bằng với số học kỳ chính thực tế sinh viên học tập tại Trường. Đối với những trường hợp đặc biệt, Hội đồng cấp trường xem xét, tư vấn và Hiệu trưởng có quyết định cụ thể.

Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện của bản thân, tự đánh giá kết quả trên hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện trực tuyến theo mức điểm chi tiết của các tiêu chí đánh giá và khung điểm do Trường quy định ở mỗi học kỳ.

2. Cố vấn học tập (sau đây viết tắt là CVHT) chủ trì tổ chức họp lớp cùng với Ban cán sự lớp để tiến hành xem xét, xử lý các ý kiến khiếu nại (nếu có) và biểu quyết thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả. Công tác tổ chức họp lớp và quy trình đánh giá phải được thông tin đầy đủ, công khai đến sinh viên.

CVHT xác nhận biên bản họp, tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp và chuyển hồ sơ đánh giá cấp lớp lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa.

3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa) tổ chức họp, tiến hành xem xét, xử lý các ý kiến khiếu nại (nếu có) của cấp lớp và biểu quyết thông qua kết quả rèn luyện cho sinh viên của khoa.

Hội đồng cấp khoa công bố kết quả rèn luyện cho sinh viên của khoa được biết và xem xét, xử lý các ý kiến khiếu nại của sinh viên (nếu có) trong vòng tối đa 07 ngày làm việc.

Chủ tịch Hội đồng cấp khoa hoặc báo cáo Trưởng khoa (trường hợp Chủ tịch Hội đồng cấp khoa không phải là Trưởng khoa) xác nhận biên bản họp, tổng hợp kết quả rèn luyện của khoa và chuyển hồ sơ đánh giá cấp khoa lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

4. Thường trực Hội đồng cấp trường tổng hợp hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của các Hội đồng cấp khoa và thực hiện báo cáo, tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng cấp trường.

Hội đồng cấp trường tổ chức họp, xem xét, xử lý các khiếu nại (nếu có) và thống nhất, biểu quyết thông qua kết quả rèn luyện của sinh viên toàn trường.

5. Kết quả đánh giá, phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên được công bố công khai qua tài khoản sinh viên và thông báo cho sinh viên biết trước 20 ngày trước khi trình ban hành quyết định công nhận kết quả rèn luyện chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 14. Đánh giá kết quả rèn luyện ở cấp lớp

1. Hội nghị cấp lớp chỉ họp xét kết quả rèn luyện khi có từ 2/3 tổng số sinh viên của lớp tham dự. Kết quả biểu quyết của Hội nghị cấp lớp có giá trị khi được trên 1/2 số sinh viên tham dự đồng ý.

2. Thành phần Hội nghị cấp lớp:

- a) Chủ trì: Cố vấn học tập.
- b) Thư ký: Ban cán sự lớp sinh viên (lớp trưởng hoặc lớp phó).
- c) Đại diện đoàn thể: Đại diện Ban chấp hành chi Đoàn, chi Hội.

3. Nhiệm vụ của Hội nghị cấp lớp:

- a) Tư vấn giúp CVHT xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong lớp căn cứ trên kết quả tự đánh giá của sinh viên.
- b) Căn cứ theo quy định hiện hành, CVHT tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

c) Tiếp nhận các ý kiến phản hồi và xem xét, xử lý các khiếu nại (nếu có) của sinh viên về kết quả rèn luyện trước khi trình kết quả lên Hội đồng cấp khoa. Với những trường hợp

khiếu nại chưa thống nhất, chưa giải quyết ở Hội nghị cấp lớp, cần đề nghị trình lên Hội đồng cấp khoa để xem xét, xử lý, kết luận cụ thể.

d) Hội nghị cấp lớp xem xét, đánh giá, xử lý khiếu nại về kết quả rèn luyện của sinh viên phải thực hiện công khai, trực tiếp trên hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện trực tuyến và ghi nhận trong biên bản họp Hội nghị cấp lớp.

Điều 15. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa

1. Thẩm quyền thành lập và ra quyết định

Hội đồng cấp khoa do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa. Hội đồng cấp khoa có thời gian thực hiện nhiệm vụ theo năm học và có thể bổ sung, thay thế thành viên trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng cấp khoa chỉ họp xét kết quả rèn luyện khi có từ 2/3 số thành viên tham dự. Kết quả biểu quyết của Hội đồng cấp khoa có giá trị khi được trên 1/2 số thành viên tham dự đồng ý.

2. Thành phần Hội đồng cấp khoa bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa phụ trách công tác sinh viên.
- b) Thường trực Hội đồng: Thư ký khoa hoặc giảng viên được phân công theo dõi công tác sinh viên.
- c) Các ủy viên, thư ký: CVHT, các đại diện Ban chấp hành Đoàn khoa, Ban chấp hành liên chi Hội sinh viên khoa.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

a) Tư vấn giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa căn cứ trên hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của lớp.

b) Căn cứ theo quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của CVHT, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp; xem xét, xử lý trường hợp khiếu nại chưa thống nhất, chưa giải quyết ở Hội nghị cấp lớp (nếu có).

c) Công bố công khai kết quả rèn luyện đã được Hội đồng cấp khoa biểu quyết thông qua; tiếp nhận các ý kiến phản hồi và xem xét, xử lý các khiếu nại (nếu có) của sinh viên về kết quả rèn luyện trước khi trình kết quả lên Hội đồng cấp trường. Với những trường hợp khiếu nại chưa thống nhất, chưa giải quyết ở Hội đồng cấp khoa, cần đề nghị trình lên Hội đồng cấp trường để xem xét, xử lý, kết luận cụ thể.

d) Hội đồng cấp khoa xem xét, đánh giá, xử lý khiếu nại về kết quả rèn luyện của sinh viên phải thực hiện công khai, trực tiếp trên hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện trực tuyến và ghi nhận trong biên bản họp Hội đồng cấp khoa.

Điều 16. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường

1. Thẩm quyền thành lập và ra quyết định

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký quyết định thành lập. Hội đồng cấp trường có thời gian thực hiện nhiệm vụ theo năm học và có thể bổ sung, thay thế thành viên trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng cấp trường chỉ họp xét kết quả rèn luyện khi có từ 2/3 số thành viên tham dự. Kết quả biểu quyết của Hội đồng cấp trường có giá trị khi được trên 1/2 số thành viên tham dự đồng ý.

2. Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác sinh viên.

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác sinh viên.

c) Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo các khoa và các đơn vị có liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cấp trường.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

a) Tư vấn cho Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

b) Căn cứ theo quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của lãnh đạo các khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa; xem xét, xử lý trường hợp khiếu nại đặc biệt chưa thống nhất, chưa giải quyết ở Hội đồng cấp khoa (nếu có).

c) Công bố công khai kết quả rèn luyện đã được Hội đồng cấp trường biểu quyết thông qua; tiếp nhận các ý kiến phản hồi và xem xét, xử lý các khiếu nại (nếu có) của sinh viên về kết quả rèn luyện trước khi đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

Điều 17. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ chính, năm học và toàn khóa học.

Thời gian của từng học kỳ theo năm học được tính trong đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên:

a) Học kỳ 1: từ 01/08 hàng năm đến hết 31/01 năm kế tiếp.

b) Học kỳ 2: từ 01/02 đến hết 31/07 hàng năm.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ chính là tổng điểm đạt được của những mặt nội dung đánh giá chi tiết được quy định tại Chương II của quy định này.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện học kỳ 1 và học kỳ 2 trong năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ chính đã hoàn thành việc đánh giá của khóa học.

Điều 18. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học và toàn khóa của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng – kỷ luật, hoạt động giao lưu và trao đổi sinh viên quốc tế; xét thôi học, ngừng học; xét lưu trú ký túc xá; xét giải quyết việc làm thêm; xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác theo quy định của Trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên là căn cứ để xét tốt nghiệp theo quy định tại Quy chế đào tạo của ĐHQG-HCM và Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm tốt nghiệp do Trường cấp và lưu trong hồ sơ sinh viên khi tốt nghiệp.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Trường xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHQG-HCM theo quy định tại Quy chế thi đua, khen thưởng và kỷ luật học sinh, sinh viên của ĐHQG-HCM.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ chính liên tiếp lần thứ nhất thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ chính liên tiếp lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

Điều 19. Quyền khiếu nại và bổ sung kết quả rèn luyện

1. Đối với kết quả rèn luyện của từng học kỳ, sinh viên có quyền khiếu nại và bổ sung nếu kết quả đánh giá rèn luyện được công bố chưa chính xác, có thiếu sót hoặc được giải trình lý do để xem xét các nội dung bị trừ điểm. Việc khiếu nại được thực hiện theo thông báo hướng dẫn tại thời điểm công bố kết quả đánh giá rèn luyện.

2. Khiếu nại, bổ sung kết quả rèn luyện ở Hội đồng cấp khoa: thời gian khiếu nại, bổ sung kết quả rèn luyện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng cấp khoa công bố kết quả đánh giá rèn luyện.

3. Khiếu nại, bổ sung kết quả rèn luyện ở Hội đồng cấp trường: thời gian khiếu nại, bổ sung kết quả rèn luyện trong vòng 20 ngày kể từ ngày Hội đồng cấp trường công bố kết quả đánh giá rèn luyện, trước khi Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận.

4. Khi nhận được được giấy đề nghị khiếu nại, bổ sung kết quả rèn luyện của sinh viên, Hội đồng cấp khoa, Hội đồng cấp trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo đúng thẩm quyền và quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại.

5. Đối với kết quả rèn luyện của các học kỳ đã thực hiện đánh giá trước đây, sinh viên được quyền khiếu nại về sai sót trong cập nhật kết quả rèn luyện. Kết quả rèn luyện sẽ được đối chiếu với các quyết định công nhận kết quả rèn luyện trong hồ sơ lưu trữ. Thời gian khiếu nại cho phép trong suốt quá trình học tập tại Trường của sinh viên.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị

1. Phòng Công tác sinh viên

- a) Đơn vị Thường trực Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường.
- b) Xây dựng quy định, quy trình, khung đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; tổng hợp các điểm cập nhật, sửa đổi, bổ sung và trình Hội đồng cấp trường, Hiệu trưởng xem xét, quyết định.
- c) Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên phù hợp tình hình thực tiễn của Trường.
- d) Đầu mối tổng hợp thông tin các hoạt động rèn luyện sinh viên ở các mặt đánh giá của các đơn vị trong Trường và cập nhật kết quả rèn luyện tích lũy của sinh viên vào tài khoản rèn luyện để làm căn cứ cho sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện.
- e) Cập nhật thường xuyên toàn bộ kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên vào tài khoản rèn luyện sinh viên để làm căn cứ cho sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện của cá nhân.
- f) Kiểm tra, giám sát công tác đánh giá kết quả rèn luyện ở các cấp để đảm bảo việc thực hiện đúng theo quy định.
- g) Cập bảng điểm tổng hợp quá trình rèn luyện của sinh viên.
- h) Quản lý kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên hệ chính quy toàn Trường.

2. Các Khoa

- a) Đầu mỗi năm học, lập danh sách thành phần Hội đồng cấp khoa và gửi cho Thường trực Hội đồng cấp trường tổng hợp, trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các Hội đồng cấp khoa.
- b) Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên phù hợp kế hoạch chung của Trường và tình hình thực tiễn của từng khoa; tư vấn cho sinh viên về công tác thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện.
- c) Đôn đốc các CVHT của lớp sinh viên nhắc nhở sinh viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả rèn luyện trên hệ thống đúng thời gian quy định và đảm bảo công tác họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên ở cấp lớp tiến hành nghiêm túc, đúng tiến độ trong từng kỳ đánh giá theo kế hoạch chung của Trường.
- d) Tổng hợp, sao lưu minh chứng và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên hệ chính quy của khoa.

3. Phòng Đào tạo

- a) Đảm bảo việc cung cấp và cập nhật kết quả học tập theo học kỳ của sinh viên đúng thời gian quy định để tiến độ đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên thực hiện theo kế hoạch chung của Trường.



b) Phối hợp và hỗ trợ các khoa giải quyết các vướng mắc liên quan đến kết quả học tập của sinh viên kịp thời để phục vụ việc đánh giá theo kế hoạch chung của Trường.

c) Tổng hợp và cung cấp danh sách sinh viên bị cảnh báo học vụ.

d) Tiếp nhận kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên để lưu hồ sơ quản lý sinh viên; xét học tiếp, xét tốt nghiệp và ghi vào bảng điểm kết quả học tập của sinh viên khi tốt nghiệp.

4. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

a) Đảm bảo việc giảng viên nộp điểm thi và lên điểm thi học kỳ cho sinh viên đúng thời gian quy định để tiến độ đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên thực hiện theo kế hoạch chung của Trường.

b) Tổng hợp và cung cấp danh sách sinh viên vi phạm quy chế thi; danh sách sinh viên thực hiện hoặc không thực hiện khảo sát môn học theo từng học kỳ.

5. Phòng Sau Đại học và Quản lý khoa học

a) Tổng hợp và cung cấp danh sách sinh viên tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; danh sách kết quả nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học.

b) Tổng hợp và cung cấp danh sách sinh viên có bài đăng trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề ở trong và ngoài Trường; danh sách sinh viên tham dự các hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề về học thuật, nghiên cứu khoa học ở các cấp trong và ngoài Trường để làm cơ sở cho việc đánh giá rèn luyện sinh viên.

6. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên

a) Truyền thông rộng rãi về chương trình đánh giá kết quả rèn luyện để toàn thể đoàn viên, hội viên nắm bắt thông tin, thực hiện đúng và hoàn thành việc đánh giá.

b) Tổng hợp và cung cấp danh sách sinh viên tham gia các chương trình hoạt động Đoàn – Hội, danh sách các câu lạc bộ, đội nhóm cấp trường, cấp khoa, danh sách các đoàn viên, hội viên được biểu dương, khen thưởng ở các cấp theo từng học kỳ để làm căn cứ đánh giá kết quả rèn luyện.

c) Tổng hợp và cung cấp danh sách đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ Đoàn, Hội các cấp theo từng học kỳ, năm học.

7. Các đơn vị chức năng, đơn vị hỗ trợ thuộc Trường

Tổng hợp và cung cấp danh sách sinh viên tham gia các hoạt động rèn luyện tại đơn vị để làm căn cứ đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

8. Cố vấn học tập

a) Đầu mỗi học kỳ, CVHT tổ chức sinh hoạt lớp để phổ biến, hướng dẫn công tác đánh giá kết quả rèn luyện và định hướng sinh viên tham gia các hoạt động tích lũy điểm rèn luyện theo các tiêu chí, khung điểm đánh giá.

b) Phối hợp với Ban cán sự lớp nhắc nhở sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện đúng thời gian, tiến độ quy định của từng học kỳ đánh giá.

c) Chủ trì công tác hợp lớp để đánh giá kết quả rèn luyện cho từng sinh viên, hướng dẫn sinh viên thực hiện khiếu nại, điều chỉnh, đánh giá bổ sung theo đúng quy định.

d) Tham gia họp Hội đồng cấp khoa để đề đạt ý kiến, giải quyết các trường hợp chưa thống nhất kết quả rèn luyện của sinh viên ở cấp lớp.

9. Sinh viên

a) Thực hiện công tác tự đánh giá kết quả rèn luyện trên hệ thống đánh giá trực tuyến.

b) Cung cấp tài liệu, minh chứng liên quan đến kết quả rèn luyện khi được yêu cầu.

c) Thực hiện quyền khiếu nại, bổ sung, điều chỉnh kết quả rèn luyện (nếu có).

Điều 21. Điều khoản áp dụng

1. Phòng Công tác sinh viên là đơn vị chịu trách nhiệm về kết quả rèn luyện của toàn bộ sinh viên đại học chính quy Trường Đại học Kinh tế - Luật.

2. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Phòng Công tác sinh viên trong thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

3. Phòng Công tác sinh viên tham mưu Hiệu trưởng xem xét, quyết định đối với các trường hợp đặc biệt (nếu có).

4. Kết quả thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của CVHT các lớp sinh viên là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của CVHT.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung quy định về đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên trong Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Luật.

2. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu cần sửa đổi, bổ sung khi có những thay đổi hoặc những vấn đề khác phát sinh trong thực tiễn, các đơn vị liên quan gửi ý kiến phản ánh bằng văn bản về thường trực Hội đồng cấp trường và phải được sự đồng ý đề nghị của trên 1/2 số thành viên trong Hội đồng cấp trường. Phòng Công tác sinh viên tổng hợp, báo cáo và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định cụ thể về việc sửa đổi quy định này.

3. Các Trưởng đơn vị, toàn thể viên chức và sinh viên đại học chính quy chịu trách nhiệm thi hành quy định này.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

(Phụ lục này dùng để tham khảo xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ)

Tổng điểm đánh giá tối đa: 100 điểm

1. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ THÁI ĐỘ THAM GIA HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
Khung điểm đánh giá: từ 0 đến 25 điểm (tối thiểu 0 điểm, tối đa 25 điểm)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
1.1	Ý thức và thái độ trong học tập, thi cử; kết quả học tập và tinh thần vượt khó (15)			
	Đảm bảo tham gia thời gian lên lớp trên 80%, đi học đúng giờ, có thái độ nghiêm túc trong giờ học; Có thái độ học tập tích cực, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong giờ học	+3	Tự đánh giá	Tập thể lớp/ CVHT đánh giá
	Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra (giữa kỳ, cuối kỳ)	+2	Tự đánh giá	
	Kết quả học tập (ĐTB học tập theo học kỳ đánh giá) (<i>Xuất sắc: 10 điểm; Giỏi: 7 điểm; Khá: 4 điểm; Trung bình: 2 điểm</i>)		Hệ thống	
	Có sự gia tăng điểm trung bình học tập so với học kỳ trước	+3	Hệ thống	
	Đạt kết quả hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra trở lên (Toiec, Ielts, VNU-EPT...)	+5	Danh sách	Phòng Đào tạo
1.2	Ý thức, thái độ và kết quả tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học (5)			
	Đăng ký tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (I)	+5	Danh sách	P. QLKH
	Tham gia các lớp tập huấn về nghiên cứu khoa học cấp khoa trở lên	+3	Danh sách	P. QLKH ĐTN/HSV
	Báo cáo nghiệm thu, hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học (II) (<i>cấp trường: 8 điểm; cấp khoa: 5 điểm</i>)		Danh sách	P. QLKH
	Đạt giải nghiên cứu khoa học cấp trường (II) (<i>Giải nhất: 4 điểm; Giải nhì: 3 điểm; Giải ba: 2 điểm; Giải KK: 1 điểm</i>)		Danh sách	P. QLKH
	Có bài viết đăng trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề, chuyên san hoặc ấn phẩm tương đương liên quan đến hoạt động học thuật: - <i>Cấp trường (trong và ngoài): cộng 5 điểm/bài viết</i> - <i>Cấp khoa: cộng 3 điểm/bài viết</i>	+5/bài viết	Danh sách	P. QLKH ĐTN/HSV Các Khoa
	Tham dự các buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề về nghiên cứu khoa học cấp trường trở lên	+2/lần	Danh sách	P. QLKH
	Sinh viên năm 1 (<i>chưa tham gia hoạt động NCKH</i>)	+5		Tất cả SV năm 1
1.3	Ý thức, thái độ và kết quả tham gia các cuộc thi, các CLB học thuật, các hoạt động học thuật, các cuộc thi về đổi mới, sáng tạo, các hoạt động ngoại khóa (5)			
	Sinh viên là thành viên các câu lạc bộ, đội nhóm về học thuật cấp khoa, cấp trường: tham gia hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ	+2	Danh sách	ĐTN/HSV
	Sinh viên là thành viên Ban tổ chức các cuộc thi học thuật, cuộc thi về đổi mới, sáng tạo... cấp khoa, cấp trường	+2	Danh sách	ĐTN/HSV

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
	Sinh viên là thành viên tham gia các cuộc thi học thuật, cuộc thi về đổi mới, sáng tạo; tham gia dự thi các cuộc thi học thuật trong và ngoài Trường	+3/cuộc thi	Danh sách	P. CTSV ĐTĐN/HSV
	Đạt giải cuộc thi học thuật, cuộc thi về đổi mới, sáng tạo... trong và ngoài Trường (<i>Giải nhất: 4 điểm; Giải nhì: 3 điểm; Giải ba: 2 điểm; Giải khuyến khích: 1 điểm</i>)		Danh sách	ĐTĐN/HSV P. CTSV
	Tham gia các khóa học đào tạo tăng cường về kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức làm việc... (<i>có cấp giấy chứng nhận</i>)	+2	Danh sách	ĐTĐN/HSV P. CTSV Các đơn vị khác
	Tham gia các chương trình tập huấn, huấn luyện của các CLB, đội nhóm....	+2		
Điểm trừ				
1.4	Những nội dung vi phạm bị trừ điểm (25)			
	Vi phạm về ý thức, thái độ trong tham gia học tập, thi cử			
	Có ý thức, thái độ và hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức hoạt động học tập của lớp	-3	Tự đánh giá	Tập thể lớp/ CVHT đánh giá
	Thường xuyên đi trễ giờ học hoặc nghỉ học	-2	Tự đánh giá	Tập thể lớp/ CVHT đánh giá
	Bị xử lý cảnh báo học vụ	-5	Danh sách	Phòng Đào tạo
	Vi phạm quy chế thi cử, kiểm tra - <i>Vi phạm ở mức độ khiến trách (xử lý trừ 25% điểm)</i> - <i>Vi phạm ở mức độ cảnh cáo (xử lý trừ 50% điểm)</i> - <i>Vi phạm ở mức độ đình chỉ (xử lý trừ 100% điểm)</i>	-4 -7 -10	Danh sách	P. KT&ĐBCL
	Vi phạm về ý thức, thái độ trong tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học			
	Đăng ký tham gia đề tài nghiên cứu khoa học nhưng không thực hiện hoàn thành, hủy bỏ đề tài.	-5	Danh sách	P. QLKH
	Có những hành vi gây ảnh hưởng xấu trong hoạt động nghiên cứu khoa học: sao chép, thiếu trung thực trong khoa học...	-10	Danh sách	P. QLKH Các Khoa
	Vi phạm về ý thức, thái độ trong tham gia các cuộc thi, hoạt động ngoại khóa			
	Có những hành vi gây ảnh hưởng xấu uy tín của Trường, hình ảnh sinh viên UEL trong khi tham gia các cuộc thi trong và ngoài Trường (<i>đăng ký tham gia, dự thi nhưng tự ý bỏ cuộc; Tham gia, dự thi nhưng không chấp hành quy định của hoạt động; thành viên của câu lạc bộ, đội, nhóm nhưng không tham gia hoạt động</i>)	-5	Danh sách	Ban Tổ chức chương trình

2. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH TRONG TRƯỜNG

Khung điểm đánh giá: từ 0 đến 20 điểm (tối thiểu 0 điểm, tối đa 20 điểm)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
2.1	Ý thức chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG-HCM được thực hiện tại Trường (3)			
	Thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM	+2	Tự đánh giá	

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
	Có ý thức đấu tranh, vận động người khác cùng thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM	+1	Tự đánh giá	
2.2	Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định khác được áp dụng trong Trường (17-20)			
	Tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc đầy đủ, đúng quy định	+1	Danh sách	P. TCHC
	Thực hiện khảo sát, đánh giá về học tập, chất lượng môn học, giảng viên theo quy định của Trường.	+1	Danh sách	P. KT&ĐBCL
	Kiểm tra sức khỏe hoặc nộp giấy kiểm tra sức khỏe đầu mỗi năm học theo quy định (I)	+1	Danh sách	Phòng TCHC Phòng Y tế
	Thực hiện đăng ký tạm trú; thực hiện khai báo, cập nhật thông tin nơi ở ngoại trú – nội trú theo quy định	+2	Danh sách	P. CTSV
	Tham gia các chương trình, buổi sinh hoạt của Trường, của Đoàn, Hội triệu tập, huy động.	+2/lần	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
	Đóng học phí, khoản phải thu đúng thời hạn quy định	+2	Tự đánh giá	
	Thực hiện văn minh học đường: có tác phong lịch sự, ăn mặc nghiêm túc khi đến Trường; đeo thẻ sinh viên nghiêm túc khi đến trường; xếp hàng khi đi thang máy	+2	Tự đánh giá	
	Thực hiện văn minh học đường: không hút thuốc lá; giữ gìn vệ sinh, bỏ rác (có phân loại) đúng nơi quy định; sử dụng nước, giấy vệ sinh tiết kiệm; có hành vi ứng xử văn minh, sử dụng ngôn từ chuẩn mực trên không gian mạng xã hội...	+2	Tự đánh giá	
	Thực hiện lối sống văn hóa: Không có các hành vi sau: phát ngôn xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến thân thể người học, viên chức, người lao động và người khác; giả mạo chữ ký người học, viên chức, người lao động và người khác; nói tục, chửi thề trong và ngoài Trường; gây gổ, đánh nhau gây thương tích, tụ tập đua xe ở trong và ngoài Trường; đánh bạc, đánh bài ăn tiền, sử dụng các chất ma túy, uống nhiều rượu bia, lưu hành văn hóa phẩm đồi trụy, truy cập những hình ảnh đồi trụy và các biểu hiện vi phạm đạo đức khác	+4	Tự đánh giá	
	Sử dụng giáo trình, tài liệu học tập (bản in, sao) không vi phạm quyền tác giả và luật sở hữu trí tuệ	+1	Tự đánh giá	
	Chấp hành tốt việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông ở trong và ngoài Trường	+1	Tự đánh giá	
Điểm trừ				
2.3	Những nội dung vi phạm bị trừ điểm (20)			
	Vi phạm về ý thức chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG-HCM			
	Không có ý thức chấp hành, không thực hiện hoặc vận động, lôi kéo người khác cùng không thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM	-5	Danh sách	P. CTSV Các đơn vị

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
Vi phạm về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định khác được áp dụng trong Trường				
	Quyết định xử lý kỷ luật theo quy chế Công tác sinh viên - <i>Mức độ khiển trách (-10 điểm)</i> - <i>Mức độ cảnh cáo (-15 điểm)</i>	-10 -15	Danh sách	P. CTSV
	Không tham gia các chương trình, buổi sinh hoạt của Trường, của Đoàn, Hội triệu tập, huy động.	-3/lần	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
	Không đóng học phí, khoản phải thu đúng thời hạn quy định theo thông báo của Trường	-2	Danh sách	P. KH-TC
	Vi phạm nội quy về công tác nội trú; vi phạm quy định đăng ký, khai báo thông tin ngoại trú ở nơi cư trú.	-4/lần	Danh sách	P. CTSV
	Vi phạm các nội dung thực hiện văn minh học đường	-2/lần	Danh sách	P. CTSV
	Vi phạm nội dung thực hiện lối sống văn hóa, vi phạm luật an ninh mạng	-5/lần	Danh sách	P. CTSV
	Sao in và phát hành các loại giáo trình, tài liệu học tập... vi phạm quyền tác giả và luật sở hữu trí tuệ	-2/lần	Danh sách	P. CTSV Thư viện
	Vi phạm các quy định về an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông ở trong và ngoài Trường (có thông báo của cơ quan công an gửi về Trường hoặc biên bản làm việc/danh sách ghi nhận hành vi vi phạm của Trường)	-2/lần	Danh sách	P. CTSV
	Tổ chức đua xe, tham gia các hoạt động mại dâm, kích động lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn trái pháp luật, buôn bán người, buôn bán hàng quốc cấm	-20	Danh sách	P. CTSV
	Vi phạm nội quy KTX ĐHQG-HCM, quy định nơi cư trú	-5	Danh sách	P. CTSV
	Những hành vi vi phạm khác theo Quy chế Công tác sinh viên (trừ 2 điểm đến 5 điểm/lần/hành vi)	-5/lần	Danh sách	P. CTSV

3. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI
Khung điểm đánh giá: từ 0 đến 25 điểm (tối thiểu 0 điểm, tối đa 25 điểm)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
3.1	Ý thức tham gia Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên (5)			
	Tham gia và hoàn thành Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm, đầu khóa, cuối khóa (I)	+5	Danh sách	P. CTSV
	Tham gia và hoàn thành học lại Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm, đầu khóa, cuối khóa (II)	+5	Danh sách	P. CTSV
3.2	Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội (5)			
	Tham gia sinh hoạt lớp sinh viên đầy đủ theo quy định	+2	Tự đánh giá	BCS Lớp đánh giá
	Tham gia sinh hoạt chi Đoàn, chi Hội định kỳ hàng tháng	+1	Tự đánh giá	BCH Chi đoàn - Chi hội đánh giá
	Tham gia sinh hoạt chủ điểm của lớp trong học kỳ (01 lần)	+1	Tự đánh giá	BCH Chi đoàn – Chi hội đánh giá
	Tham gia hoạt động Hội trại từ cấp khoa trở lên (nếu có)	+2	Danh sách	ĐTN/HSV

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
	Tham gia hoạt động về nguồn, báo cáo chuyên đề về tình hình thời sự, chính trị, xã hội, hội nhập quốc tế, học tập nghị quyết của Đảng, Đoàn...do Trường tổ chức	+1	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia hoạt động đối thoại với khoa, Trường	+1	Danh sách	ĐTN/HSV Các Khoa
	Có sự trưởng thành của bản thân qua các hoạt động rèn luyện: được công nhận là đoàn viên ưu tú, đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	+1	Danh sách	ĐTN/HSV
	Sinh viên tích cực, có sự trưởng thành của bản thân qua các hoạt động, công tác Đảng: Đạt yêu cầu khi tham gia lớp Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng	+2	Danh sách	Các CBSV ĐTN
	Tham gia hội thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cấp trường, cấp thành phố	+3	Danh sách	ĐTN
3.3	Ý thức Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ (5)			
	Tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, ngày hội sinh viên từ cấp khoa trở lên tổ chức hoặc huy động	+1	Danh sách	Các đơn vị huy động sinh viên
	Thành viên các CLB đội nhóm văn hóa, văn nghệ từ cấp khoa trở lên.	+2	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia các cuộc thi văn nghệ, biểu diễn phục vụ các hoạt động cấp trường, khoa, Đoàn – Hội cấp khoa trở lên tổ chức và huy động (là thí sinh, thành viên biểu diễn, thành viên ban tổ chức)	+3	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia các cuộc thi văn nghệ, biểu diễn phục vụ trong các hoạt động cấp thành phố trở lên (là thí sinh, thành viên biểu diễn, thành viên ban tổ chức)	+3	Danh sách	ĐTN/HSV
	Đạt giải các cuộc thi văn hóa, văn nghệ cấp trường trở lên (Giải nhất: 4 điểm; Giải nhì: 3 điểm; Giải ba: 2 điểm; Giải KK: 1 điểm)		Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia cổ vũ các hoạt động văn hóa, văn nghệ cấp khoa, cấp trường, cấp thành phố hoặc tương đương	+1/lần	Danh sách	ĐTN/HSV
3.4	Ý thức Tham gia các hoạt động thể dục, thể thao (5)			
	Cá nhân có tập luyện và chơi tốt ít nhất 01 môn thể thao	+1	Tự đánh giá	
	Đạt được giấy chứng nhận Thanh niên khỏe	+2	Danh sách	ĐTN/HSV
	Thành viên các CLB đội nhóm thể thao từ cấp khoa trở lên	+2	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia các hội thao, giải thi đấu cấp trường, cấp khoa, Đoàn – Hội cấp khoa trở lên tổ chức (có kế hoạch được Trường, Đoàn – Hội cấp trên phê duyệt)	+3	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia các hội thao, giải thi đấu thể thao cấp Thành phố trở lên tổ chức (là vận động viên, huấn luyện viên)	+3	Danh sách	ĐTN/HSV
	Đạt giải các hội thao, giải thi đấu thể thao cấp trường trở lên (Giải nhất: 4 điểm; Giải nhì: 3 điểm; Giải ba: 2 điểm; Giải KK: 1 điểm)		Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia cổ vũ các hoạt động thể thao cấp khoa, cấp trường, cấp thành phố hoặc tương đương	+1/lần	Danh sách	ĐTN/HSV
3.5	Ý thức Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (2)			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
	Không tham gia các tệ nạn xã hội; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng chống tội phạm, không vi phạm pháp luật về các quy định phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội khác ở trong và ngoài Trường	+2	Tự đánh giá	
3.6	Hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên (5)			
	Tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên tổ chức (từ 2 đến 5 điểm/hoạt động)	+2 đến 5	Danh sách	ĐTN
3.7	Hoạt động phong trào của Hội sinh viên (5)			
	Tham gia các hoạt động phong trào của Hội Sinh viên tổ chức (từ 2 đến 5 điểm/hoạt động)	+2 đến 5	Danh sách	HSV
Điểm trừ				
3.6	Các hành vi vi phạm khi tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội			
	Những hành vi làm ảnh hưởng đến người khác, hành vi gian lận trong học tập, thi cử khi tham gia Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm, đầu khóa, cuối khóa	-5	Danh sách	
	Những hành vi làm ảnh hưởng đến: hoạt động chính trị, xã hội; hoạt động văn hóa, văn nghệ; hoạt động thể dục, thể thao; hoạt động phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (<i>tuyên truyền không đúng tinh thần, nội dung của hoạt động; đăng ký tham gia, dự thi nhưng tự ý bỏ cuộc; các hành vi gian lận; tham gia, dự thi nhưng không chấp hành quy định của hoạt động; thành viên của câu lạc bộ, đội, nhóm nhưng không tham gia hoạt động</i>)	-5	Danh sách	

4. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

Khung điểm đánh giá: từ 0 đến 20 điểm (tối thiểu 0 điểm, tối đa 20 điểm)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
4.1	Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng (3)			
	Tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy định của nơi cư trú, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về an toàn giao thông, trật tự đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm...	+2	Tự đánh giá	
	Tích cực phòng, chống bạo lực gia đình trong cộng đồng; vận động xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình	+1	Tự đánh giá	
4.2	Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội (12)			
	Thành viên Đội sinh viên xung kích, Đội Công tác xã hội Đội Sinh viên hỗ trợ nội trú ký túc xá: hoàn thành tốt nhiệm vụ	+3	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội từ 10 ngày trở lên (mùa hè xanh...)	+7	Danh sách	ĐTN/HSV

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội từ 5 ngày đến 9 ngày (xuân tình nguyện...)	+5	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội từ 2 ngày đến 4 ngày (tiếp sức mùa thi...)	+3	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội từ 1 buổi đến 1 ngày (chủ nhật xanh...)	+1	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia hoạt động Hiến máu nhân đạo	+2	Danh sách	ĐTN/HSV
	Tham gia đóng góp, hỗ trợ hoạt động tình nguyện của lớp, chi Đoàn, chi Hội tổ chức: thăm mái ấm, nhà mở, trung tâm khuyết tật, chăm sóc người già neo đơn, người vô gia cư hoặc các đối tượng thanh niên yếu thế.	+2	Danh sách	
	Các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội khác có ý nghĩa tương đương ở Trường hoặc ở địa phương nơi cư trú (<i>cộng từ 1 đến 3 điểm</i>)	+ 1-3	Danh sách	
	Được biểu dương, khen thưởng khi tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội từ cấp trường trở lên hoặc tương đương.	+3	Danh sách	
4.3	Ý thức, tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn (5)			
	Tham gia quyên góp, ủng hộ từ thiện, các trường hợp khó khăn đột xuất do Trường, Đoàn, Hội phát động	+2	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
	Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn; tinh thần bảo vệ người yếu thế	+2	Tự đánh giá	
	Có tinh thần giúp đỡ bạn bè trong học tập, trong cuộc sống được tập thể lớp công nhận.	+2	Tự đánh giá	Tập thể lớp/ CVHT đánh giá
4.4	Ý thức và hiệu quả tham gia xây dựng, đóng góp, quảng bá hình ảnh của Trường và ĐHQG-HCM			
	Tham gia các chương trình, cuộc thi được truyền thông nhắc đến mang hình ảnh tốt đẹp về Trường và ĐHQG-HCM	+5	Danh sách	P. CTSV Các đơn vị đề xuất
Điểm trừ				
4.5	Các hành vi vi phạm trong mối quan hệ công dân với cộng đồng			
	Chấp hành chưa nghiêm, chưa tốt pháp luật về an toàn giao thông, trật tự đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội ở nơi địa phương và trong cộng đồng	-5	Danh sách	
	Các hành vi làm ảnh hưởng đến hoạt động chung khi tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội	-5	Danh sách	

5. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÔNG TÁC CÁN BỘ LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC KHÁC TRONG TRƯỜNG HOẶC SINH VIÊN ĐẠT ĐƯỢC CÁC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN

Khung điểm đánh giá: từ 0 đến 10 điểm (tối thiểu 0 điểm, tối đa 10 điểm)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
Điểm cộng				
5.1	Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong Trường			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Phân loại	Phụ trách
	Sinh viên tham gia Ban cán sự lớp : tích cực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	+5	Danh sách	P. CTSV
	Sinh viên tham gia BCH chi Đoàn, BCH chi Hội : tích cực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	+3	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
	Sinh viên tham gia Đoàn khoa, Liên chi Hội khoa (BCH và cộng tác viên) : hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	+5	Danh sách	ĐTN/HSV
	Sinh viên tham gia Đoàn Trường, Hội Sinh viên Trường (BCH, BTK và cộng tác viên) : hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	+7	Danh sách	ĐTN/HSV
	Sinh viên là Phó Bí thư, Chi ủy viên, đảng viên các chi bộ sinh viên: được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ	+5	Danh sách	Các CBSV
	Sinh viên tích cực, có sự trưởng thành của bản thân qua các hoạt động, công tác Đảng: được kết nạp Đảng hoặc được chuyển Đảng chính thức đúng hạn	+3	Danh sách	Các CBSV
5.2	Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong Trường			
	Cán bộ lớp, đoàn, hội chủ động sáng tạo trong công tác và đóng góp có hiệu quả cho phong trào của lớp, đoàn, hội: được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	+2	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
	Cán bộ lớp, đoàn, hội được khen thưởng vì thành tích tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, ĐTN, HSV và các tổ chức khác trong Trường.	+3	Danh sách	P. CTSV ĐTN/HSV
5.3	Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, Khoa và Trường			
	Sinh viên tham gia công tác Thủ quỹ lớp	+3	Danh sách	Ban cán sự lớp
	Sinh viên với tư cách là thành viên trong tập thể, tham gia đầy đủ, tích cực, đóng góp ý kiến, giải pháp hiệu quả trong các buổi sinh hoạt do lớp, chi Đoàn, chi Hội tổ chức	+2	Tự đánh giá	Tập thể lớp/ CVHT đánh giá
	Sinh viên là cộng tác viên tham gia tích cực, đóng góp ý kiến, giải pháp trong các hoạt động của khoa, phòng, trung tâm, viện thuộc Trường.	+4	Danh sách	Các đơn vị
5.4	Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện			
	Đạt danh hiệu “Thanh niên Kinh tế - Luật làm theo lời Bác” - <i>Cấp Thành phố, cấp Trung ương: cộng 7 điểm</i> - <i>Cấp trường: cộng 5 điểm</i>	5-7	Danh sách	
	Đạt danh hiệu “Sinh viên 5 Tốt” - <i>Cấp thành phố, cấp Trung ương: cộng tích lũy 2 điểm</i> - <i>Cấp ĐHQG-HCM, cấp trường: cộng tích lũy 2 điểm</i> - <i>Cấp khoa: cộng tích lũy 2 điểm</i> - <i>Cấp chi Hội: cộng 1 điểm</i>	5-7	Danh sách	
	Đạt danh hiệu “Đảng viên trẻ tiêu biểu”	+5	Danh sách	
	Các thành tích, danh hiệu, bằng khen khác cấp ĐHQG-HCM hoặc tương đương trở lên.	+5	Danh sách	

Lưu ý: Trong trường hợp sinh viên có điểm thưởng và tổng điểm vượt quá 100 điểm thì chỉ tính điểm cuối cùng tối đa là 100 điểm.